

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017**

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La  
 Tel: 1900636761 Email: [sowasucom@gmail.com.vn/](mailto:sowasucom@gmail.com.vn/)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số: 749/2025

**Tên đơn vị yêu cầu** : Chi nhánh cấp nước Mường La  
**Vị trí lấy mẫu** : Nước thô suối Hua Nậm  
**Loại mẫu** : Nước mặt - Mã số 25/T11/2025  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Biên bản giao mẫu** : Số 749/BB ngày 10 tháng 11 năm 2025  
**Ngày phân tích** : 11/11/2025 - 12/11/2025



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                             | Đơn vị | Kết quả                  | QCVN<br>08:2023/BTNMT | Phương pháp<br>phân tích        |
|----|--------------------------------------|--------|--------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| 1  | pH                                   | -      | 7.95                     | 6.5 – 8.5             | Theo phương pháp nội bộ PPNB-01 |
| 2  | Sắt                                  | mg/l   | 0.16                     | 0.5                   | TCVN 6177:1996                  |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng<br>TSS         | mg/l   | 14                       | ≤ 25                  | TCVN 6625:2000                  |
| 4  | Nitrit (NO <sub>2</sub> tính theo N) | mg/l   | KPH<br><i>Lod: 0.024</i> | 0.05                  | TCVN 6178:1996                  |
| 5  | Clorua                               | mg/l   | KPH<br><i>Lod: 2.3</i>   | 250                   | TCVN 6194:1996                  |
| 6  | Mangan                               | mg/l   | KPH<br><i>Lod: 0.028</i> | 0.1                   | PP/MN                           |
| 7  | Amoni -N                             | mg/L   | KPH<br><i>Lod: 0.03</i>  | 0.3                   | PP/AM                           |
| 8  | COD                                  | mg/l   | 2                        | 10                    | PP/COD                          |

|    |                  |               |     |             |                  |
|----|------------------|---------------|-----|-------------|------------------|
| 9  | Coliform tổng số | CFU/<br>100mL | 411 | $\leq 1000$ | TCVN 6187-1:2019 |
| 10 | <i>E.coli</i>    | CFU/<br>100mL | 10  | 20          | TCVN 6187-1:2019 |

Sơn La, ngày 16 tháng 11 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật  
bộ phận phân tích**

**Kiểm soát**

**P. Tổng giám đốc**

**Nguyễn Hoàng Lân**

**Đỗ Quang Phụng**

**Phạm Ngọc Dũng**



**Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- L<sub>od</sub> của NO<sub>2</sub> được tính theo  $N = 0.024$ .
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH**  
**PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098**

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La  
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số: 2025.11.26.01/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La  
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô hiệu – tỉnh Sơn La  
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Hua Nậm – CNCN Mường La  
 04 Số lượng mẫu : 01  
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.11.11/BBGM. Ngày 11 tháng 11 năm 2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                           | Đơn vị | Kết quả              | QCVN<br>08:2023/<br>BTNMT | Phương pháp<br>phân tích |
|----|------------------------------------|--------|----------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1  | Asen (As)                          | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,0007)  | <b>0,01</b>               | TCCS HD – 03/01          |
| 2  | Cacdimi (Cd)                       | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,00054) | <b>0,005</b>              | TCCS HD – 02/01          |
| 3  | Chì (Pb)                           | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,004)  | <b>0,02</b>               | TCCS HD – 02/01          |
| 4  | Tổng Chromi (Cr)                   | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,0039) | <b>0,05</b>               | TCCS HD – 02/01          |
| 5  | Crom VI (Cr <sup>+6</sup> ) (*)    | mg/l   | <0,003               | <b>0,01</b>               | SMEWW<br>3500 Cr B:2017  |
| 6  | Đồng (Cu)                          | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,03)   | <b>0,1</b>                | TCCS HD – 01/01          |
| 7  | Kẽm (Zn)                           | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,035)  | <b>0,5</b>                | TCCS HD – 01/01          |
| 8  | Niken (Ni)                         | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,004)  | <b>0,1</b>                | TCCS HD – 02/01          |
| 9  | Thủy Ngân (Hg)                     | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,00057) | <b>0,001</b>              | TCCS HD – 04/01          |
| 10 | Chỉ số BOD <sub>5</sub> (20°C) (*) | mg/l   | <2                   | <b>≤4</b>                 | TCVN 6001-1:2021         |
| 11 | Ôxy hòa tan (DO) (*)               | mg/l   | 7,6                  | <b>≥ 6,0</b>              | TCVN 7325:2016           |

|    |                                  |      |        |       |                           |
|----|----------------------------------|------|--------|-------|---------------------------|
| 12 | Fluor (F) (*)                    | mg/l | <0,05  | 1     | SMEWW<br>4500-CN-C&E:2017 |
| 13 | Tổng Phosphor (TP) (*)           | mg/l | 0,06   | ≤ 0,1 | SMEWW<br>4500 T P.E:2017  |
| 14 | Xyanua (CN <sup>-</sup> ) (*)    | mg/l | <0,002 | 0,01  | SMEWW<br>4500-CN-C&E:2017 |
| 15 | Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*) | mg/l | 1,25   | 5,0   | SMEWW<br>5520 F :2017     |
| 16 | Chất hoạt động bề mặt            | mg/l | 0,065  | 0,1   | TCVN 6177:1996            |

Son La, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

*Thử nghiệm viên*

*Kiểm soát*

*Giám đốc*

Điền Thị Thương

Đỗ Mạnh Thắng

Đỗ Mạnh Thắng

**Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (\*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Kiểm định